TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2021/HNGĐ-ST Ngày: 03-6-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo
2. Ông Lê Quang Xẹt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Dân E, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn Dân E tự nguyện kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81/2010 ngày 20/11/2010.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, lối sống. Nguyên nhân do ông Dân Em không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu bia và còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông Dân Em không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc nhà cửa, con cái cho bà P chăm lo. Hai vợ chồng đã sống ly thân được 08 tháng. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Dân E.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn Dân E có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/7/2011. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Dân E cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, hai cháu Phong đang sống cùng bà P tại Tổ 3, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Bà P đang làm công nhân tại Công ty TNHH C, thu nhập hàng tháng khoảng 7.500.000 đồng – 10.000.000 đồng và có nhà ở ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Dân E nhưng ông E không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Dân E vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Dân E và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Dân E đang cư trú tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Dân E đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông E.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/11/2010, bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn Dân E tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông E là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, bà P xác định giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, lối sống. Nguyên nhân do ông Dân Em không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu bia và còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông Dân Em không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, bỏ mặc nhà cửa, con cái cho bà P chăm lo. Hai vợ chồng đã sống ly thân được 08 tháng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông E nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông E vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông E không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà P và ông E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn Dân E có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/7/2011. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay, cháu Phong đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, bà P có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Đồng thời, cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với bà P. Ông E cũng không có yêu cầu về việc trực tiếp nuôi con. Do đó, việc bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Dân E.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Văn Dân E.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim P được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA /2016/0052290 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CC THADS thị xã Tân Uyên;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung